| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN D**<br>**TỈNH E** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **53**/2019/DS - ST
Ngày: 03 - 7 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dương Phú Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thị Amina;

2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh E.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXX- ST ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1952 và ông Lương Văn G, sinh năm 1950, cùng nơi cư trú: Tổ 46, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

Bà A, ông G, bà F có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – Bà Lương Thị A trình bày:*

Do là chổ quen biết nên vào ngày 12/10/2007 (Al) bà cho vợ chồng bà F và ông G vay số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 22/11/2007 (Al) bà tiếp tục cho vợ chồng ông G, bà F vay 35.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà F là người trực tiếp đến vay, nhận tiền vay và ký tên xác nhận vào giấy nhận nợ do bà F viết. Mục đích vay

để lo việc gia đình. Trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất vay và thời gian vay, nhưng trên thực tế các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 5%/tháng, thời gian vay là 01 năm kể từ ngày vay tiền.

Tuy nhiên kể từ ngày vay tiền cho đến nay, sau nhiều lần yêu cầu hoàn trả tiền nhưng bà F và ông G vẫn chưa trả cho bà số tiền vay gốc và tiền lãi nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông G và bà F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là giấy biên nhận nợ do bà F viết và ký tên xác nhận.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn – Bà Nguyễn Thị F trình bày:*

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà A số tiền 65.000.000 đồng để lo việc gia đình và thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận nợ ngày 12/10/2007 (Al) và ngày 22/11/2007 (Al) do bà A cung cấp là của bà. Khi vay tiền bà là người trực tiếp đi vay và nhận số tiền vay từ bà A, các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 5%/tháng, thời gian vay là khi bà bán đất xong. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên cho đến nay vợ chồng bà vẫn chưa hoàn trả cho bà A được số tiền vay gốc mặc dù bà A có nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà hoàn trả. Nay bà xác định vợ chồng bà đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền nợ vay 65.000.000 đồng. Ý kiến này do vợ chồng bà tự nguyện.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn – Ông Lương Văn G trình bày:*

Ông và bà F là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1970 cho đến nay. Việc bà F vay tiền của bà A thì ông có biết, nay ông cũng đồng ý cùng bà F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A số tiền 65.000.000 đồng như bà A yêu cầu. Ý kiến này do ông hoàn toàn tự nguyện.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Do bà Lương Thị A, bà Nguyễn Thị F và ông Lương Văn G là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A, bà F và ông G.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A. Buộc bà Nguyễn Thị F và ông Lương Văn G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lương Thị A số tiền 65.000.000 đồng. Ghi nhận bà A không yêu cầu tính tiền lãi.

Về án phí: Ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do bà Lương Thị A, bà Nguyễn Thị F và ông Lương Văn G là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A, bà F và ông G.

[2] Về quy định pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự được các bên xác lập vào năm 2007 nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu của bà Lương Thị A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị F và ông Lương Văn G hoàn trả số tiền 65.000.000 đồng thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông G, bà F đều thừa nhận có vay của bà A 02 lần với tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng, bà F là người trực tiếp vay, nhận tiền vay và ký tên vào biên nhận nợ. Bà F thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 12/10/2007 (Al) và ngày 22/11/2007 (Al) là của bà F đồng thời bà F, ông G xác định còn nợ bà A 65.000.000 đồng và đồng ý hoàn trả cho bà A 65.000.000 đồng. Xét thấy ý kiến này do bà F, ông G hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nội dung giấy biên nhận nợ và yêu cầu khởi kiện của bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lương Thị A số tiền vay gốc là 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lương Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F chưa thi hành án xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F còn phải trả cho bà Lương Thị A thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Đối với khoản tiền lãi do bà A yêu cầu thì Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà A có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu bà F và ông G hoàn trả số tiền lãi của số tiền 65.000.000 đồng sang không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 65.000.000 đồng. Ý kiến này do bà A hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A được chấp nhận nên ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F phải chịu 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm

mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F là người cao tuổi nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F được miễn nộp 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lương Thị A đối với ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F:

Buộc ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lương Thị A số tiền nợ gốc là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Lương Thị A không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Lương Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F chưa thi hành án xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F còn phải trả cho bà Lương Thị A thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Ông Lương Văn G và bà Nguyễn Thị F được miễn nộp 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lương Thị A 1.625.000 (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà A đã nộp theo biên lai thu số 0015271 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh E.

3/ "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4/ Báo cho bà Lương Thị A, bà Nguyễn Thị F và ông Lương Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phú Sang**